TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:359/2023/DS -ST
Ngày: 31 – 8 - 2023
V/v tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long

2. Ông Đỗ Thanh Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2023/TLST-DS, ngày 13/7/2023, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐST-DS ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm : 1982 (có mặt)

Địa chỉ : ấp H, xã DĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

+ Bị đơn:

1/ Nguyễn Văn H, sinh năm : 1967 (vắng mặt)

2/ Lê Thị T, sinh năm: 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ A, xã NB, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản Tòa án hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày như sau: Vào khoảng năm 2011 – 2012 do chị L và chị Lê Thị T có bà con nên chị L có cho chị T vay tiền nhiều lần tổng cộng số tiền là 170.000.000đồng, chị L có nhận tiền

lãi chị T 2%/tháng nhận được 02 tháng, sau đó chị T không có khả năng trả nợ và anh Nguyễn Văn H là chồng chị T bệnh nên chị L có cho mượn tiếp 10.000.000đồng tổng cộng là 180.000.000đồng. Do quen biết nên khi đưa tiền chị L và chị T không có làm biên nhận. Sau đó chị T không có khả năng trả tiền cho chị L, nên chị T, anh H có thỏa thuận bán đất cho chị L để trừ nợ, do giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do mẹ anh H đứng tên và chưa được làm thủ tục sang tên anh H, hiện đang thế chấp cho chị Võ Thị C, nên chị L có đi chuộc giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất từ chị Võ Thị C với số tiền 31.200.000đồng dự định về đưa cho anh H làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất, sau đó làm thủ tục chuyển nhượng cho chị L. Tuy nhiên sau đó vợ chồng chị T, anh H đổi ý không chuyển nhượng đất cho chị L. Do chị L giữ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị T, anh H có nhờ Ban hòa giải ấp hòa giải. Tại cuộc hòa giải ngày 25/3/2022 chị T, anh H đồng ý trả chị L tổng cộng 212.000.000đồng (số tiền đúng là 211.200.000đồng, đưa trả trước 100.000.000đồng còn lại 111.200.000đồng sẽ trả sau khi bán được đất. Sau đó, chị T không trả như thỏa thuận và xin trả dần nên chị L không đồng ý.

Nay chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T trả cho chị L 111.200.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản khai, biên bản Tòa án hòa giải, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị có vay tiền của chị L rất nhiều lần, chị T không nhớ ngày tháng năm nhận tiền, chị chỉ nhớ khoảng tháng 8/2003 đến năm 2013, chị T còn nợ chị L 110.000.000đồng (100.000.000đồng tiền vay và 10.000.000đồng tiền mượn) và chị L có chuộc đất cho chị là 31.200.000đồng từ bà Võ Thị C vào năm 2014. Cụ thể chị nhận tiền: chị nhận 03 lần 10.000.000đồng, 02 lần 20.000.000đồng, 01 lần 30.000.000đồng và 10.000.000đồng tiền mượn cho chồng chị trị bệnh. Chị có trả tiền lãi cho chị L đầy đủ, chị trả lãi của số tiền 40.000.000đồng là 4.000.000đồng/tháng; số tiền 60.000.000đồng trả lãi mỗi tháng 9.000.000đồng. Chị trả lãi liên tục 10 năm là 1.170.000.000đồng, nhận tiền và trả lãi đều không làm biên nhận, chị trả tiền lãi cho chị L nhận. Khi hòa giải ở ấp Đông A xã Nhị Bình do chị không hiểu biết và ban hòa giải ép buộc kêu chị ký tên nên chị ký vào. Thực tế tổng cộng chị nợ chị L là 141.200.000đồng, chị đã trả 100.000.000đồng, còn lại 41.200.000đồng. Số tiền 211.200.000đồng do chị L có cộng tiền lãi vào trong đó. Nay chị T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L xin trả số tiền vốn 41.200.000đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng. Khi chị vay tiền của chị L chị và chồng chị anh H chung sống chung nhà, tuy nhiên do chị giấu không cho chồng chị biết và cuộc hòa giải của ấp chồng chị có tham dự nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản vì chồng chị không có vay.

Tại biên bản hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày trong thời gian vợ anh vay mượn tiền của chị L anh có biết, nhưng do chị T làm gì làm anh không biết, anh không biết chị T làm gì nợ anh cũng không biết, khi hòa giải ở ấp anh H có tham dự nhưng không ký tên.

Nay anh H thống nhất với ý kiến chị T, chỉ đồng ý trả 41.200.000đồng, xin trả dần 500.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Mỹ L vẫn giữ yêu cầu anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T trả số tiền 111.200.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt, chị Lê Thị T đồng ý trả 111.200.000đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn không có tiền trả một lần, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng đến khi hết số tiền 111.200.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền vốn 111.200.000đồng. Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T địa chỉ ấp Đ A, xã NB, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang về tranh chấp nợ vay. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thụ lý vụ án tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản" là đúng thẩm quyền theo quy định Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Xét về nội dung khởi kiện và yêu cầu khởi kiện:* Do có quen biết họ hàng với nhau nên vào năm 2011 đến năm 2013 chị Nguyễn Thị Mỹ L có cho chị Lê Thị T vay tiền nhiều lần, khi vay không làm biên nhận, tổng cộng chị L cho chị T vay 170.000.000đồng và năm 2014 chị L có cho chị T mượn 10.000.000đồng để đi trị bệnh cho chồng chị T là anh H, tổng cộng là 180.000.000đồng. Do không có tiền để trả nên chị T, anh H có đồng ý bán đất cho chị L để cấn trừ nợ, chị L có đi chuộc giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H từ chị Võ Thị C với số tiền 31.200.000đồng. Sau đó, anh H và chị T đổi ý không bán đất nên có nhờ Ban hòa giải ấp Đông A xã Nhị Bình hòa giải,

các bên thống nhất chị T, anh H nợ chị L tổng cộng là 212.000.000đồng [180.000.000đồng + 32.000.000đồng (làm tròn của số tiền 31.200.000đồng)] chị T, anh H trả liền 100.000.000đồng, còn lại 111.200.000đồng bán đất xong trả hết một lần. Tuy nhiên sau đó anh H, chị T không trả số tiền này như thỏa thuận mà xin trả dần nên chị L khởi kiện lên Tòa án. Bị đơn chị Lê Thị T trình bày do không hiểu biết và bị Ban hòa giải ấp ép buộc ký tên vào biên bản hòa giải, thật ra chị chỉ nợ chị L tổng cộng là 110.000.000đồng và 31.200.000đồng chị L chuộc giấy đất dùm chị. Tổng cộng là 141.200.000đồng, chị đã trả 100.000.000đồng, Tuy nhiên tại phiên tòa chị T đồng ý trả tiếp 111.200.000đồng, nay chị không có khả năng trả nên xin dần mỗi tháng 500.000đồng.

Xét thấy, khi cho vay tiền các bên đều không làm biên bản giao nhận, nhưng tại buổi hòa giải ngày 25/3/2022 của ban Hòa giải ấp Đông A xã Nhị Bình các bên thừa nhận chị T, anh H nợ chị L là 212.000.000đồng (số tiền đúng 211.200.000đồng), chị L trả giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H và anh H chị T sẽ trả 100.000.000đồng, còn lại 111.200.000đồng bán đất sẽ trả. Chị T cho rằng việc chị thừa nhận nợ chị L 211.200.000đồng là do Ban hòa giải ấp ép buộc chị, buộc chị ký tên vào biên bản, chị chỉ nợ chị L tổng cộng là 141.200.000đồng, chị đã trả 100.000.000đồng, còn lại 41.200.000đồng chưa trả, trong số tiền 211.200.000đồng chị L có cộng lãi vào trong đó. Qua xác minh các thành viên của Ban hòa giải ấp Đông A xã Nhị Bình thì tại buổi hòa giải do chị L và chị T, anh H tự thỏa thuận thống nhất số nợ với nhau. Ban hòa giải ghi nhận ý kiến và đọc lại cho các đương sự nghe và đồng ý ký tên, không có sự ép buộc các bên, hơn nữa chị T, anh H cũng đồng ý số tiền còn lại là 111.200.000đồng sẽ trả khi bán đất xong, không thể hiện gì trong số tiền này có cộng tiền lãi vào trong đó. Chị T cho rằng chị L cộng tiền lãi vào số tiền 111.200.000đồng và từ lúc vay tiền cho đến nay chị T đã trả cho chị L tiền lãi là 1.170.000.000đồng, việc trình bày này không được chị L thừa nhận, chị T không đưa ra chứng cứ gì có cơ sở chứng minh cho việc trả tiền lãi này của mình. Tại phiên tòa, chị T thừa nhận còn nợ chị L 111.200.000đồng, do không có khả năng trả nên chị T xin trả dần. Anh Nguyễn Văn H trình bày việc vợ anh chị Lê Thị T nợ tiền chị L anh có biết nhưng chị T làm gì làm anh không biết, anh không đồng ý trả. Xét thấy thời gian chị T vay tiền của chị L cho đến nay anh H, chị T sống chung vợ chồng, khi Ban hòa giải ấp Đông A xã Nhị Bình hòa giải anh H cũng có mặt và có ý kiến thỏa thuận việc trả nợ với chị L, nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải. Do đó, xác định số tiền nợ này là nợ chung của chị T, anh H cần buộc anh H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị L là phù hợp.

Chị Lê Thị T trình bày chị còn nợ chị L số tiền 111.200.000đồng và xin trả số tiền này với hình thức trả dần mỗi tháng 500.000đồng, lời trình bày này của chị T không được chị L đồng ý, hơn nữa số tiền này các bên cũng đã thỏa thuận trả ngay khi bán được đất. Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của chị T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T trả số tiền 111.200.000đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó cần buộc anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền này khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L nên bị đơn chị Lê Thị T, ang Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 5.560.000đồng (111.200.000đồng x 5%)

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về phần thủ tục tố tụng và phần nội dung vụ án là phù hợp nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 463, 466, 468 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ các điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ theo Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

1/ Buộc chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 111.200.000đồng (Một trăm mười một triệu hai trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H phải chịu là 5.560.000đồng.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí là 2.800.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011794, ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Tiền Giang.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3/ Chị L, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Thúy